

Số: 144/2026/QĐST-HNGĐ

Mai Sn, ngày 05 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ S vụ án dân sự thụ lý số: 196/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Tòng Văn S, sinh ngày 24/09/1999. Số căn cước công dân: 014099007485. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản C, xã Ch M, tỉnh Sn La.

Bị đơn: Chị Cẩm Thị N, sinh ngày 10/11/2004. Số căn cước công dân: 014304013434. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản C, xã Ch M, tỉnh Sn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tòng Văn S và chị Cẩm Thị N.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về tình cảm: Anh Tòng Văn S và chị Cẩm Thị N thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh Tòng Văn S và chị Cẩm Thị N có 01 con chung là cháu Tòng Văn Khải, sinh ngày 02/07/2023.

Anh S, chị N thống nhất giao cháu Tòng Văn Khải cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Khải trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn, anh S được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

d. Về án phí: Anh Tòng Văn S tự nguyện chịu toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000055 ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại Phòng thi hành án Dân sự khu vực 4 – Sn La; Anh S được trả lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sn La;
- VKSND tỉnh Sn La;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Mường Chanh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ S.

THẨM PHÁN

Tráng A Tênh